

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-LUẬT**

KHAMSONE SOMLET

**NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG GIẢM NGHÈO
TẠI NƯỚC CHDCND LÀO**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Tp. Hồ Chí Minh, năm 2022

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-LUẬT**

KHAMSONE SOMLET

**NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG GIẢM NGHÈO
TẠI NƯỚC CHDCND LÀO**

Chuyên ngành: Kinh tế chính trị

Mã số chuyên ngành: 9310102

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Tp. Hồ Chí Minh, năm 2022

Công trình nghiên cứu được hoàn thành tại:

Trường Đại học Kinh tế - Luật – ĐHQG – HCM

Người hướng dẫn khoa học : PGS.TS Nguyễn Chí Hải

Phản biện độc lập 1: PGS.TS Trần Minh Tuấn

Phản biện độc lập 2: PGS.TS Đào Duy Huân

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Phản biện 3:

.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án họp
tại

.....

.....

.....

Vào lúc.....giờ, ngày.....tháng.....năm.....

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện trung tâm ĐHQG-HCM
- Thư viện khoa học Tổng hợp Tp. HCM
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế - Luật ĐHQG-HCM

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án Tiến sĩ kinh tế “ *Nâng cao hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào* ” đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nghiên cứu được nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào khác.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Bước sang Thế kỷ XXI, xã hội loài người đã và đang chứng kiến những tiến bộ và thành tựu vượt bậc trong nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, chúng ta vẫn đang phải đối mặt với một vấn đề nan giải với mọi quốc gia và thời đại đó là đói nghèo. Đói nghèo vẫn chiếm một tỷ lệ cao đặc biệt ở những quốc gia đang phát triển. Chính vì vậy, giảm nghèo vẫn đang là vấn đề xã hội mang tính toàn cầu.

Trong thập niên thứ ba của thế kỷ thứ XXI, các nước trên thế giới nói chung và nước Lào nói riêng đang đứng trước những thay đổi lớn lao trên nhiều mặt có ý nghĩa bước ngoặt. Những thay đổi này tạo ra những cơ hội và thách thức trong việc đề ra những đường lối, những chính sách nhằm phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo và phát triển con người của một quốc gia hay một địa phương. Các mục tiêu về tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, đảm bảo các quyền về con người sẽ không thể đạt được nếu vấn đề đói nghèo không được giải quyết.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác giảm nghèo trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội, Đảng CM Lào [99] đã xác định: “Tập trung triển khai có hiệu quả các chương trình giảm nghèo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn”. Đa dạng hóa các nguồn nhân lực và phương thức giảm nghèo gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn phát triển giáo dục, dạy nghề và giải quyết việc làm để giảm nghèo được hiệu quả; tạo điều kiện và khuyến khích người đã thoát nghèo vươn lên làm giàu và giúp đỡ người khác thoát nghèo.

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội và xoá đói giảm nghèo. Nước CHDCND Lào đã có nhiều sáng kiến, cách làm phù hợp với hoàn cảnh, phát huy sức mạnh tổng hợp và tham khảo các bài học kinh nghiệm của các nước trong quá trình thực hiện Mục tiêu Thiên niên kỷ như: phương thức giảm nghèo gắn với phát triển nông thôn, phát triển giáo dục, tăng cường y tế, dạy nghề và giải quyết việc làm, đưa ra các công nghệ - kỹ thuật mới vào trong ngành sản xuất nông nghiệp để nâng cao năng suất sản phẩm, tạo điều kiện về cơ sở hạ tầng và khuyến khích cho người nghèo có thể vươn lên từ tình trạng nghèo bước vào trung bình và lên người giàu.... Ngoài đó, còn sự đóng góp rất quan trọng của các dự án giảm nghèo được tài trợ bởi các tổ chức quốc tế như: WB, ADB, UN, UNDP, FAO, UNICEF.....

Do sự sáng kiến và cố gắng của Nhà nước đã đưa ra những chính sách về việc phát triển kinh tế tiếp cận với giảm nghèo; mang lại những thành công to lớn dành cho nước CHDCND Lào như: tỷ lệ tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn 2010 – 2015 là 7,9% [100] và trong giai đoạn 2016 – 2020 là 5,5% [101], năm 2020 GDP trên đầu người 2.664 UDS/người, chỉ số phát triển nguồn nhân lực (HAI) có đạt được 72,8 (theo kế hoạch là 66), năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo còn 58.644 hộ chiếm 4,6% [99] so với năm 2011 (13,1%) và tỷ lệ nghèo năm 2013 ở Lào là 23,2% dân số [95], thì đến năm 2019 giảm xuống còn 18,3% [96] và năm 2020 tiếp tục giảm còn 16,9% [98].

Tuy nhiên, tiếp cận với kết quả đạt được còn những hạn chế về hiệu quả hoạt động giảm nghèo, tình trạng chênh lệch giàu – nghèo còn khá cao và có sự phát triển không đồng đều giữa các vùng; một số chính sách chưa phù hợp với công tác giảm nghèo của mỗi địa phương; kết quả giảm nghèo còn thiếu tính bền vững. Ở một số tỉnh miền núi; kết cấu hạ tầng còn khá thấp kém; trình độ dân trí không đồng đều; một bộ phận đồng bào các dân tộc thiểu số đời sống còn nhiều khó khăn; điều kiện kinh tế nghèo nàn; tỷ lệ nghèo còn cao.

Ngoài ra, sự biến đổi khí hậu, sự lây lan dịch bệnh động vật, lây lan của dịch bệnh Covid19, sự chiến tranh giữa Nga và Ukraine làm cho giá cả tăng lên. Thực tiễn này đã và đang đặt ra yêu cầu đối với nước CHDCND Lào là phải nâng cao hiệu quả công tác giảm nghèo, coi đây là giải pháp quan trọng để đạt được mục tiêu giảm nghèo, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới.

Xuất phát từ thực tiễn trên, việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn, nhằm nâng cao hiệu quả giảm nghèo tại nước CHDCND Lào là một yêu cầu bức thiết. Với lý do đó, nghiên cứu sinh mới chọn đề tài: “Nâng cao hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào” làm luận án tiến sĩ ngành kinh tế chính trị, để nghiên cứu đánh giá hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào thông qua các tiêu chí mà mình xây dựng, trên cơ sở đó, đề xuất định hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào.

2. Mục tiêu cụ thể nghiên cứu

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, luận án phân tích và đánh giá hiệu quả giảm nghèo tại nước CHDCND Lào. Từ đó, đề xuất các quan điểm,

định hướng và giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào đến năm 2030.

Mục tiêu cụ thể:

Để thực hiện đạt được những mục tiêu chung, luận án đặt ra ba mục tiêu cụ thể như sau:

Thứ nhất, hình thành khung lý thuyết về giảm nghèo và hiệu quả giảm nghèo tại nước CHDCND Lào.

Thứ hai, làm rõ thực trạng giảm nghèo và hiệu giảm nghèo tại nước CHDCND Lào giai đoạn 2011 – 2020, theo tiêu chí nghèo đơn chiều, nghèo đa chiều và giảm nghèo bền vững.

Thứ ba, Đề xuất các quan điểm, định hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại CHDCND Lào đến năm 2030.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Một là, cơ sở lý thuyết nào để xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào?

Hai là, thực trạng giảm nghèo và hiệu quả giảm nghèo như thế nào ?

Ba là, Những giải pháp nào nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào đến năm 2030 ?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu giảm nghèo và hiệu quả giảm nghèo tại nước CHDCND Lào.

Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: luận án chỉ tập trung nghiên cứu đánh giá thực trạng, hiệu quả hoạt động giảm nghèo và đề xuất những nhóm giải pháp khả thi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào. Trong nghiên cứu lý luận và kinh nghiệm, tác giả mở rộng phạm vi không gian ra các một số quốc gia khác.

Về thời gian: luận án nghiên cứu phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào trong giai đoạn năm 2011 – 2020, đề xuất quan điểm và nhóm giải pháp mang tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào.

Về nội dung: trên cơ sở lý luận và thực tiễn, luận án khái quát bức tranh về hiện trạng nghèo và chính sách giảm nghèo ở nước CHDCND Lào. Phân tích và đánh giá hiệu quả hoạt động giảm nghèo trong giai đoạn 2011 – 2020 thông qua các tiêu chí nghèo đơn chiều, nghèo đa chiều và

giảm nghèo bền vững, rút ra được những thành công, hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong công tác hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào. Từ đó, luận án đề xuất định hướng và những giải pháp mang tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại Lào đến năm 2030.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu của luận án thuộc chuyên ngành kinh tế chính trị. Do đó, việc nghiên cứu để phân tích và đánh giá giải quyết vấn đề nghiên cứu trong luận án sử dụng nhiều phương pháp khác nhau. Trong những phương pháp quan trọng là phương pháp duy vật lịch sử, phương pháp trừu tượng hóa khoa học, phương pháp phân tích tổng hợp, so sánh đối chiếu, thống kê, phương pháp suy luận logic, phương pháp chuyên gia, phương pháp quy nạp.....

Nguồn số liệu: luận án được sử dụng số liệu thứ cấp và sơ cấp:

Số liệu thứ cấp từ các tổ chức uy tín trên thế giới gồm: Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), UNDP, UNICEF; điều tra chi tiêu và tiêu dùng toàn quốc lần 4,5,và 6; Niên giám thống kê của Tổng cục Thống kê từ năm 2011-2020. Luận án đặc biệt chú ý đến việc sưu tầm, tổng hợp và kế thừa có chọn lọc các tài liệu nghiên cứu trong nước và nước ngoài, bao gồm các công trình khoa học, bài báo khoa học, các sách chuyên khảo đã công bố.

Ngoài ra luận án còn sử dụng số liệu từ các báo cáo tổng hợp của các bộ liên quan qua các tài liệu công bố chính thức của các cơ quan nhà nước, các Bộ, ngành như: Bộ giáo dục và Thể thao, Bộ y tế, Bộ Tài nguyên – Môi trường, Bộ Nông – Lâm nghiệp, Bộ kế hoạch và đầu tư....liên quan đến đề tài luận án.

Quy trình thực hiện luận án: trên cơ sở xác định mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu, các tiếp cận về phương pháp và nội dung nghiên cứu, quy trình thực hiện luận án được thể hiện như: luận án đã tổng hợp các nghiên cứu trong nước, ngoài nước và nước CHDCND Lào về giảm nghèo, chính sách giảm nghèo nhằm hệ thống hóa lý luận và thực tiễn về giảm nghèo, hiệu quả giảm nghèo, chính sách giảm nghèo. Từ đó, đề xuất các yếu tố ảnh hưởng hiệu quả hoạt động giảm nghèo và xây dựng bộ tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào, rút ra kinh nghiệm một số nước trong khu vực nhất là nước XHCN Việt Nam và Trung Quốc có đạt được kết quả to lớn. Luận án sẽ đi sâu nghiên cứu tập

trung phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào trong thời gian qua dựa vào các tiêu chí mà tác giả đã xây dựng như: tiếp cận góc độ nghèo đơn chiều (thu nhập), tiếp cận góc độ nghèo đa chiều và tiếp cận góc độ giảm nghèo bền vững. Từ đó, chỉ ra những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong hiệu quả hoạt động giảm nghèo. Tác giả đã đưa ra những bối cảnh ngoài nước, trong nước, cơ hội và thách thức về hiệu quả hoạt động giảm nghèo, đề xuất những quan điểm, định hướng và mục tiêu giảm nghèo trong thời gian tới. Trên cơ sở đó, đề xuất những giải pháp mang tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào trong thời gian tới.

6. Những đóng góp mới của luận án

6.1. Về mặt lý luận

Nghiên cứu về giảm nghèo, hiệu quả giảm nghèo có thể được tiếp cận dưới góc độ chuyên ngành khoa học khác nhau, nhưng luận án được tiếp cận với dưới góc độ chuyên ngành khoa học kinh tế chính trị. Luận án nghiên cứu xây dựng khung lý thuyết cho phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào. Điểm mới của luận án là nghiên cứu sinh tiếp cận hiệu quả giảm nghèo dưới góc độ nghèo đơn chiều, nghèo đa chiều và giảm nghèo bền vững, giúp cho các nhà nghiên cứu, các tổ chức, các nhà lãnh đạo cách tiếp cận mới về nâng cao hiệu quả hoạt động giảm nghèo dưới góc độ ngành kinh tế chính trị.

Luận án làm rõ thêm về mối quan hệ giữa giảm nghèo, hiệu quả giảm nghèo với tăng trưởng kinh tế, xây dựng bộ tiêu chí để phân tích và đánh giá hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào.

6.2. Về mặt thực tiễn

Luận án góp phần làm rõ luận cứ khoa học cho các chủ trương, chính sách của CHDCND Lào về giảm nghèo trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.

Kết quả nghiên cứu là nền tảng để thực hiện các đo lường khoa học, khách quan về nghèo đơn chiều, nghèo đa chiều và giảm nghèo bền vững. Từ đó, đề xuất quan điểm, định hướng và những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào, tiếp cận với chính sách khoa học cho công tác giảm nghèo ở CHDCND Lào.

Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo tại các trường, các khoa kinh tế cũng như trong việc hoạch định chính sách quản lý kinh

tế - xã hội của Đảng nhân dân cách mạng Lào và các địa phương. Đồng thời, luận án cung cấp một số tư liệu cho các nghiên cứu tiếp theo.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận án gồm 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu về giảm nghèo, chính sách giảm nghèo và hiệu quả nghèo.

Chương 2: Cơ sở khoa học và thực tiễn về giảm nghèo, hiệu quả giảm nghèo.

Chương 3: Thực trạng hoạt động giảm nghèo và đánh giá hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào.

Chương 4: Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào đến năm 2030.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ GIẢM NGHÈO, CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO VÀ HIỆU QUẢ GIẢM NGHÈO

1.1. Các công trình nghiên cứu trước đây

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về đói nghèo

Xuất phát từ những lý luận nền tảng đói nghèo để nghiên cứu về những vấn đề nghèo, nhiều quan niệm và định nghĩa về nghèo thông qua các bài nghiên cứu như sau:

Nhóm nghiên cứu Marisol Silva-Layaa, Natalia D'Angelo, Elda García, Laura Zúñigab, Teresa Fernández (2020), Stephan Klsen (2008), Hulya Dagdeviren, Rolph Van Der Hoeven and John Weeks (2002), M. Antony and A. Laxmaiah (2008), Sabina Alkire, Adriana Conconi, Suman Seth and Ana Vaz (2014), Sabina Alkire and Maria Emma Santos (2011), Sabina Alkire and Andy Sumner (2015), Caterina R.L., Ruhi S. & France S. (2010), Trần Thị Sen (2021), Chương trình phát triển Liên hợp quốc (2010), Phạm Mỹ Duyên (2017), Nguyễn Thị Nhung (2012), Lê Kiên Cường (2013), Giàng Thị Dung (2014), Nguyễn Thị Anh và Nguyễn Thị Nghĩa (2014), Nguyễn Lan Duyên (2014), Võ Thị Thu Nguyệt (2019), Oulay Phadouangdeth (2015), Bun Lý Thong Phet (2011), Phonvilay (2002), Keodalakon Soulivong (2017)

1.1.2. Các nghiên cứu về thực hiện chính sách giảm nghèo

Stephan Klsen (2005), Asep Suryahadi, Gracia Hadiwidjaja, and Sudarno Sumarto (2012), Pekka Virtanen and Dag Ehrenpreis (2007),

Abu Girma Moges (2013), Nguyễn Đức Thắng (2006), Phùng Đức Tùng và Cộng Sự (2013), Ngô Trường Thị (2016), Nguyễn Thị Hoa (2009), Feuangsy Laofoung(2012).

1.1.3. Các nghiên cứu về hiệu quả các hoạt động giảm nghèo

Ngân hàng thế giới, lĩnh vực y tế của ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) và tổ chức Y tế thế giới (2022), Beall, J., & Kanji, N(1999), Ajit Kumar Bansal and Anu Bansal (2020), Caroline O.N. Moser (1995).

1.2. Đánh giá kết quả công trình khoa học đã nghiên cứu

1.2.1. Những đóng góp của các nghiên cứu trước

Về lý luận: các công trình nghiên cứu đã công bố nêu trên đã hệ thống hóa và đề xuất được tầm quan trọng về giảm nghèo, chính sách giảm nghèo và hiệu quả giảm nghèo, đưa ra phương pháp tiếp cận xây dựng khung lý thuyết về khái niệm giảm nghèo, hiệu quả giảm nghèo, tầm quan trọng và sự cần thiết phải giải quyết được nạn nghèo cho các hộ ở các nước trên thế giới nói chung, nói riêng giải quyết được các vấn đề nghèo cho hộ nghèo ở các nước đang phát triển. Có nhiều công trình khác nhau đã nghiên cứu về nghèo với cách tiếp cận như nghèo đơn chiều, nghèo đa chiều và giảm nghèo bền vững như: về thu nhập, y tế, giáo dục, mức sống của đời sống người dân. Đây là những gợi ý để xây dựng về lý luận và tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động giảm nghèo.

Về thực tiễn: một số bài nghiên cứu nêu trên đã tiến hành thực nghiệm để đưa ra kinh nghiệm giải quyết vấn đề giảm nghèo ở một số quốc gia, khu vực, vùng và địa phương. Những bài nghiên cứu thường hướng vào tạo điều kiện về nguồn lực, về kinh tế, về chính sách hỗ trợ, về vai trò của chính phủ, doanh nghiệp và các tổ chức của quốc tế trong việc giải quyết vấn đề giảm nghèo. Việc cung cấp và mở rộng khả năng tiếp cận tiếp cận đến các dịch vụ cơ bản và tiếp cận các cơ hội việc là một kinh nghiệm được coi trọng nhất.

Tại nước CHDCND Lào, đã có những nghiên cứu tìm giải pháp đa dạng hóa hoạt động phi nông nghiệp về mặt sinh kế, phát triển thị trường hàng hóa nông thôn, giải pháp tài chính và ngân hàng, chuyển đổi đất canh tác, và có nhiều nghiên cứu thực tiễn để đề xuất các giải pháp chính sách, xây dựng chương trình XĐGN, chính sách giảm nghèo đa chiều, chính sách kết hợp sử dụng tài nguyên, phát triển cây công nghiệp, chính sách phát triển và các hình thức tổ chức chăn nuôi ở vùng cao.

1.2.2. Những khoảng trống nghiên cứu

Mặt khác, qua tổng quan các tài liệu nghiên cứu liên quan tới vấn đề nghiên cứu đã được nêu trên, nghiên cứu sinh nhận thấy các nhà khoa học rất quan tâm và nghiên cứu tới vấn đề giảm nghèo. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có đề tài nào nghiên cứu về nâng cao hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào dưới góc độ chuyên ngành kinh tế chính trị. Việc nghiên cứu hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào cần có tiếp tục nghiên cứu và thể hiện ở những điểm sau đây:

Thứ nhất, mặc dù đã có một số công trình nghiên cứu tập trung vào việc đánh giá về chính sách giảm nghèo và mới chỉ dừng lại ở việc đánh giá, xác định những bất cập hạn chế trong thực hiện chính sách giảm nghèo. Tuy nhiên, cần có nghiên cứu về hệ thống giảm nghèo và hiệu quả giảm nghèo tại nước CHDCND Lào

Thứ hai, bên cạnh các chính sách nhằm đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế, việc giảm nghèo còn là một chính sách được ưu tiên hàng đầu trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, cần có nghiên cứu về giảm nghèo và hiệu quả giảm nghèo cả về bức tranh nghèo dưới góc độ nghèo đơn chiều, nghèo đa chiều và giảm nghèo bền vững tại nước CHDCND Lào.

Thứ ba, bên cạnh một số các công trình nghiên cứu về giảm nghèo đã tập trung về phân tích và đánh giá thực trạng nghèo. Tuy nhiên, phải có giải pháp với tính hiệu quả của chính sách, các yếu tố trọng tâm về chủ quan và khách quan.

Thứ tư, cần có nhóm giải pháp khả thi dựa trên các định hướng, quan điểm, mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhằm nâng cao hiệu quả giảm nghèo tại nước CHDCND Lào.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN VỀ GIẢM NGHÈO, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG GIẢM NGHÈO

2.1. Những vấn đề lý luận cơ bản về nghèo

2.1.1. Các khái niệm liên quan

2.1.1.1. Khái niệm nghèo đơn chiều

Có rất nhiều nhà khoa học, tổ chức quốc tế đã định nghĩa về nghèo đơn chiều. Dưới đây tác giả đã nhận thấy sự thống nhất về khái niệm nghèo đơn chiều là người hoặc hộ gia đình có thu nhập hoặc chi tiêu dưới

tiêu chuẩn của quốc gia đã xác định trong thời gian nhất định. Được xem xét bằng tiền tệ hoặc dinh dưỡng của người nghèo hoặc hộ nghèo.

2.1.1.2. Khái niệm nghèo đa chiều nghèo

Qua nghiên cứu, tham khảo và tổng hợp các tài liệu, tác giả nhận thấy sự thống nhất về khái niệm nghèo đa chiều như: *nghèo đa chiều hiểu được là người sự thiếu hụt các dịch vụ cơ bản trong xã hội, không có quyền lợi hoặc không có tiếng nói trong xã hội, nhất định là không tiếp cận được: về giáo dục cơ bản, về y tế và điều kiện đời sống con người.*

2.1.1.3. Khái niệm về giảm nghèo và giảm nghèo bền vững

Tổng các quan niệm, tác giả đề xuất khái niệm về giảm nghèo và giảm nghèo bền vững như sau:

Giảm nghèo là sự nỗ lực của nhà nước để nghiên cứu lại các chính sách giảm nghèo và tiến hành triển khai chính sách cho phù hợp với các địa phương, để cho người dân có thể tiếp cận được và nâng cao đời sống của người dân thoát được tình trạng nghèo vươn lên người không nghèo.

Giảm nghèo bền vững là giảm được người nghèo và hộ nghèo liên tục mỗi năm, đảm bảo điều kiện kinh tế - xã hội cho người nghèo, nhất là nâng lên kiến thức cho người nghèo, tạo việc làm ổn định, người nghèo có thể tiếp cận được các dịch vụ cơ bản xã hội và không có nguy cơ tái lại nghèo nữa..

2.1.1.4. Khái niệm hiệu quả giảm nghèo

Qua nghiên cứu các tài liệu, tác giả mạnh dạn đưa ra khái niệm *hiệu quả giảm nghèo* được hiểu là điều kiện, mức sống, tình trạng dễ bị tổn thương cũng mức độ tham gia và đời sống chính trị của những người nghèo, hộ nghèo, xã nghèo đã được cải thiện sau khi thực hiện triển khai các chương trình chính sách giảm nghèo thể hiện thông qua về việc đạt được và vượt các mục tiêu đặt ra trước đó.

2.1.2. Chuẩn nghèo các nước trên thế giới và chuẩn nghèo trong nước

Chuẩn nghèo là ranh giới để phân biệt giữa hộ/người nghèo và hộ/người không nghèo dựa trên về thu nhập của các quốc gia xác định đây gọi là chuẩn nghèo. Trong hiện này chuẩn nghèo có được áp dụng với hai khía cạnh như: 1) nghèo đơn chiều tiếp cận với thu nhập bởi quốc tế hoặc quốc gia của mình đã xác định. 2 Nghèo đa chiều tiếp cận với MPI (Giáo dục, y tế và mức sống)

2.1.3. Một số nguyên nhân nghèo ở nước CHDCND Lào

Đói nghèo xuất phát từ rất nhiều nguyên nhân, bao gồm cả khách quan và chủ quan, ở đây, tác giả đưa ra hai nhóm nguyên nhân đến tình trạng đói nghèo ở nước CHDCND Lào: khách quan và chủ quan.

2.1.3.1. Nguyên nhân khách quan

Về nguyên nhân khách quan, tác giả đã trình bày rõ ràng về lịch sử nước CHDCND Lào, chính sách, về địa hình và khí hậu

2.1.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Về nguyên nhân chủ quan, tác giả đã trình bày rõ ràng như: về thiếu đất sản xuất và định cạnh định cư chưa tốt, yếu tố sản xuất kinh doanh chưa phát triển, thiếu vốn và phương tiện sản xuất, thiếu cơ sở hạ tầng kỹ thuật và về giáo dục-đào tạo, y tế, môi trường.

2.1.4. Mối quan hệ tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo

tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo là hai phạm trù khác nhau, nhưng có mối quan hệ tác động với nhau trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia. Do vậy, khi xây dựng định hướng phát triển cho mỗi thời kỳ cụ thể đều cần có sự kết hợp đúng đắn giữa vấn đề tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo. Sự kết hợp ngay từ đầu giữa tăng trưởng kinh tế và giải quyết tốt vấn đề giảm nghèo là một trong những nhân tố quan trọng quyết định sự phát triển bền vững.

2.2. Sự cần thiết của việc đánh giá hiệu quả hoạt động giảm nghèo

2.2.1. Đánh giá hiệu quả của hoạt động giảm nghèo

2.2.1.1. Sự tăng trưởng kinh tế vì người nghèo: i) mối quan hệ giữa tăng trưởng và giảm nghèo, ii) các chính sách cho tăng trưởng dựa vào sử dụng lao động, iii) tăng trưởng và sự phát triển khu vực tư nhân, iv) tăng trưởng và kết cấu hạ tầng và v) tính bền vững về mặt môi trường

2.2.1.2. Phát triển xã hội toàn diện: i) nguồn vốn con người, ii) chính sách dân số, iii) giới và phát triển, iv) nguồn vốn xã hội và v) bảo trợ xã hội

2.2.1.3. Quản trị tốt: i) cải cách khu vực công, và ii) quan hệ đối tác với xã hội dân sự

2.2.2. Vai trò của hoạt động giảm nghèo trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội

giảm nghèo có vai trò không nhỏ đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Giảm nghèo đã có tác động mạnh mẽ và sâu sắc đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể, giảm nghèo tác động đến các nhân tố ảnh hưởng tích cực và hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của nó nhằm đảm bảo các điều kiện của phát triển kinh tế - xã hội: Về nhân tố lực lượng lao động, Về mặt phong tục tập quán - tôn giáo, Về mặt văn hóa

2.3. Những vấn đề cơ bản về hiệu quả hoạt động giảm nghèo

2.3.1. Lý luận về giảm nghèo và hoạt động giảm nghèo

2.3.2. Chính sách về giảm nghèo và hoạt động giảm nghèo

Chính sách hiệu quả hoạt động giảm nghèo là tổng thể các quan điểm, tư tưởng, các giải pháp và công cụ mà Nhà nước sử dụng để tác

động lên các chủ thể v.v...nhằm giải quyết vấn đề đói nghèo. Chính sách xóa đói giảm nghèo có thể là những quy định chung của Chính phủ có tác động đến các đối tượng điều tiết trên phạm vi toàn quốc hoặc các quy định của Nhà nước dành riêng cho các vùng, các khu vực có tính đặc thù hoặc do chính quyền địa phương cụ thể hóa các quy định của Nhà nước và điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện riêng của địa phương.

2.3.3. Chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách nhà nước CHDCND Lào về hoạt động giảm nghèo

2.4. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả giảm nghèo

2.4.1. Nhóm tiêu chí đánh giá tiếp cận dưới góc độ nghèo đơn chiều

Tiêu chí này được đánh giá bằng thu nhập hay bằng mức chi tiêu của hộ gia đình về sinh hoạt mỗi ngày.

2.4.2. Nhóm tiêu chí đánh giá tiếp cận dưới góc độ nghèo đa chiều

Nhóm tiêu chí này được đánh giá theo tình trạng của hộ gia đình có cơ hội tiếp cận với dịch vụ cơ bản xã hội.

2.4.3. Nhóm tiêu chí đánh giá tiếp cận dưới góc độ giảm nghèo bền vững

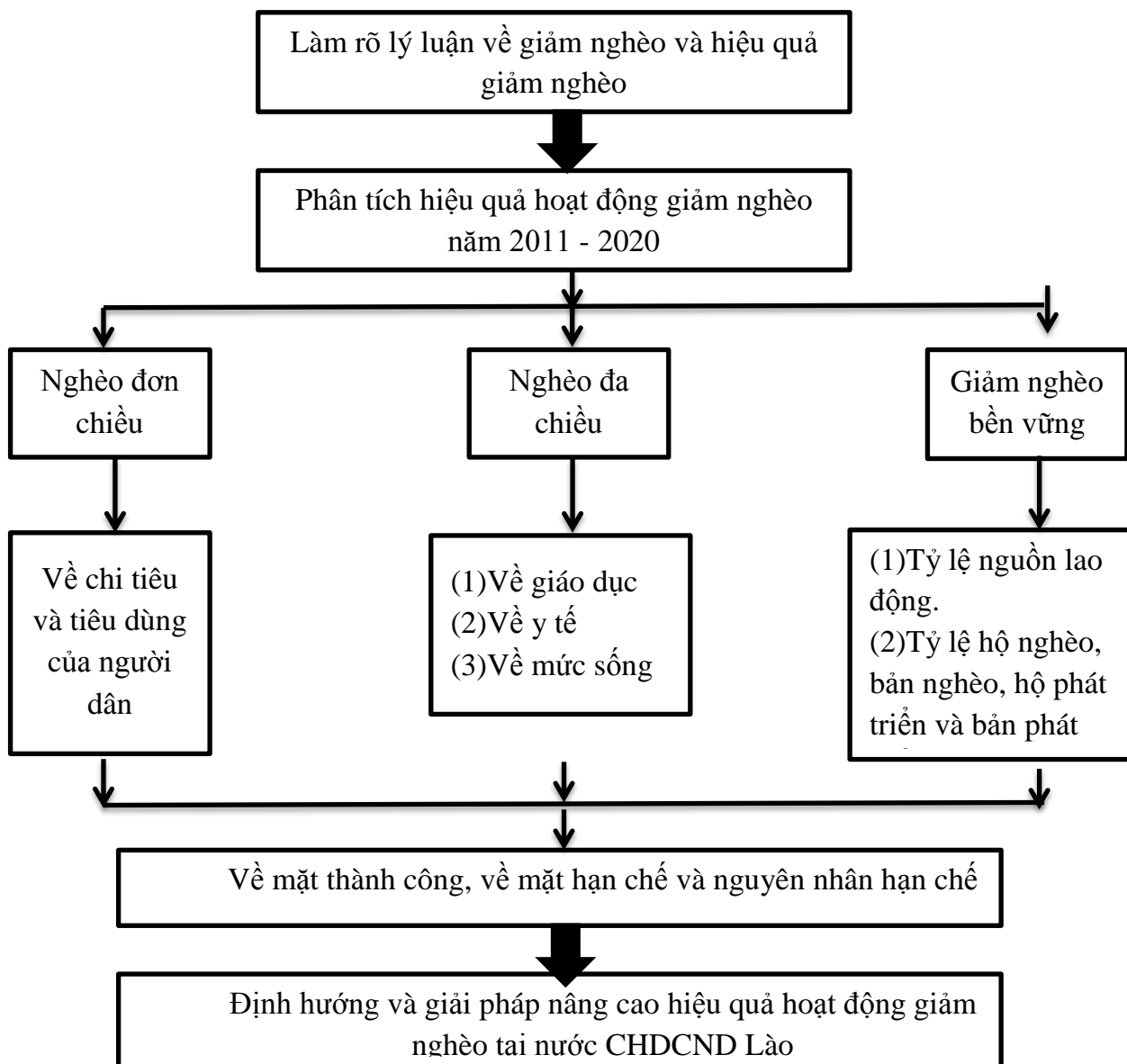
Nhóm tiêu chí này được đánh giá bằng mức độ đạt được của các tài sản gồm có tự nhiên, tài sản vật chất, tài sản tài chính và việc sử dụng các tài sản có bị lãng phí, có hiệu quả hay không.

2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động giảm nghèo

Luận án đã đưa ra về những yếu tố đến hiệu quả giảm nghèo như: (1) Yếu tố về tăng trưởng kinh tế, (2) Yếu tố về thể chế, (3) Yếu tố về nguồn lực trong việc hoạt động giảm nghèo, (4) Bản thân hộ nghèo, (5) Yếu tố về chương trình đề án về chính sách.

2.7. Khung phân tích

Trong khung phân tích của luận án đến hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào, tác giả đã tổng hợp về lý luận và thực tiễn về giảm nghèo, hiệu quả hoạt động giảm nghèo. Thông qua 3 tiêu chí: (1) tiếp cận dưới góc độ nghèo đơn chiều, (2) tiếp cận dưới góc độ nghèo đa chiều và (3) tiếp cận dưới góc độ giảm nghèo bền vững để đánh giá quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào. Từ đó, có thể rút ra được về mặt thành công, về mặt hạn chế và nguyên nhân về mặt hạn chế trong hiệu quả hoạt động giảm nghèo. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất mục tiêu, định hướng và giải pháp mang khả thi nhằm nâng cao hiệu quả động giảm nghèo trong thời gian tới tại nước CHDCND Lào.



Nguồn: Tác giả đã xây dựng

Hình: Khung Phân tích luận án

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG GIẢM NGHÈO VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG GIẢM NGHÈO TẠI NƯỚC CHDCND LÀO

3.1. Khái lược về điều kiện tự nhiên, kinh tế, chính trị - xã hội nước CHDCND Lào

3.1.1. Đặc điểm tự nhiên, hành chính – chính trị và dân số nước CHDCND Lào

3.1.2. Đặc điểm về kinh tế nước CHDCND Lao

3.1.3. Đặc điểm về văn hóa – xã hội nước CHDCND Lào

3.2. Tình hình giảm nghèo và hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào trong giai đoạn 2011 – 2020

3.2.1. Chủ trương, chính sách giảm nghèo tại nước CHDCND Lào

Giảm nghèo là nhiệm vụ cốt lõi trong đường lối phát triển kinh tế xã hội của Đảng và Chính phủ CHDCND Lào. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 10 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 285/QĐ-TTg ngày 13/10/2009 về chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2009 - 2016 và Quyết định 309/2013/QĐ-TTg năm 2018 về chính sách hỗ trợ di dân thực hiện công tác đảm bảo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2019 và các quyết định khác để thực hiện các nỗ lực giảm nghèo, đã tiến triển đáng kể trong những năm qua. Theo Nghị định này, Chính phủ đã thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về giảm nghèo bền vững dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ tướng Chính phủ và chịu trách nhiệm trước Chính phủ. Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương gồm Trưởng ban, các Phó Trưởng ban và các Ủy viên thuộc các cơ quan: Chủ nhiệm Văn phòng Phủ thủ tướng, Bộ Lao động và phúc lợi xã hội, Bộ Tài chính, Nông lâm, Tài nguyên và môi trường. Lao động và phúc lợi xã hội. Văn phòng Phủ thủ tướng giúp Trưởng Ban Chỉ đạo điều phối, xử lý, giải quyết các vấn đề có liên quan trong quá trình chỉ đạo thực hiện Chương trình. Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu, thông qua các phiên họp thường kỳ và đột xuất dưới sự chủ trì của Trưởng Ban Chỉ đạo hoặc Phó Trưởng Ban Chỉ đạo khi được ủy quyền. Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo đặt tại Bộ Lao động và phúc lợi xã hội, là đơn vị giúp việc trực tiếp cho Ban Chỉ đạo và Trưởng Ban Chỉ đạo.

3.2.2. Quá trình triển khai chính sách

Chủ thể chính sách là Đảng, Nhà nước, Doanh nghiệp và các tổ chức hoặc người đại diện cho cơ quan có thẩm quyền tư cách pháp nhân quyết định và ban hành hoặc thực hiện chính sách phục vụ mục đích và công việc nào đó để đạt mục tiêu đề ra.

3.2.3. Quỹ vốn thực hiện hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào

Quỹ vốn để thực hiện hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào được tiếp nhận từ hai nguồn quan trọng như: i) Quỹ vốn phát triển bản và Ngân hàng chính sách nhà nước và ii) Quỹ vốn giảm nghèo từ nước ngoài.

3.2.4. Tình hình giảm nghèo tại nước CHDCND Lào

Theo bản tổng kết tình hình đói nghèo toàn quốc tại nước CHDCND Lào trong giai đoạn 2011 – 2015: ban chỉ đạo phát triển nông thôn và XDGN trung ương đến năm 2015 toàn quốc còn lại 23 huyện nghèo, trước đây là 72 huyện nghèo, có 1.736 bản nghèo chiếm 20,50% của tổng số bản, 76.604 hộ nghèo (chiếm 6,59%), Có 895.878 hộ phát triển (chiếm 42,23%), có 3.577 bản phát triển (chiếm 42,23%) và 11 cụm bản đạt danh hiệu cụm bản phát triển (chiếm 1%).

Đến năm 2020, tình hình nghèo tại nước CHDCND Lào qua một số giai đoạn 2016 – 2020 như sau: Theo tổng kết thực hiện kinh tế - xã hội năm 2020 có 23 huyện nghèo, có 1.336 bản nghèo (chiếm 16,2%), 58.644 hộ nghèo (chiếm 4,6%) và tỷ lệ nghèo 16,9 %; có 1.133.267 hộ phát triển, chiếm 95,78%, 4.510 bản phát triển, chiếm 56,29%, 66 bản đạt danh hiệu bản lớn thành huyện nhỏ trong nông thôn và công bố 3 huyện lớn thành thành phố. Dưới đây bảng tỷ lệ nghèo phân theo các tỉnh và thành phố toàn nước và so sánh giữa năm 2013 và 2019.

3.3. Đánh giá hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào giai đoạn 2011-2020

3.3.1. Nhóm tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động giảm nghèo tiếp cận dưới góc độ nghèo đơn chiều

Kết quả phân tích số liệu điều tra toàn nước về Tiêu dùng và Chi tiêu của hộ gia đình cho thấy Tỷ lệ chi tiêu của hộ gia đình tăng 29,11% năm 2018/2019 so với năm 2012/2013 (từ 2.047.4 triệu kíp/tháng/hộ lên 2.643.4 triệu kíp/tháng/hộ năm 2018/2019) và các sản phẩm mà hộ chi tiêu nhiều nhất là thức ăn là được 38,8%, hai là công cụ sản xuất làm 34,8% và chi tiêu cho vận tải – viễn thông là 8,6%.

Về mức tiêu dùng cụm sản phẩm so với các giai đoạn: các hộ tiêu dùng các thức ăn có dinh dưỡng cao không những cơm mà các món ăn khác có tiêu dùng nhiều nhất là thịt, cá, sữa, rau và quả.

Tuy nhiên, các hộ có mức nâng cao đời sống từng mỗi năm, nó có tác động đến mức tỷ lệ nghèo trong nước đã giảm đáng kể từng giai đoạn như năm 1992 tỷ lệ nghèo toàn nước là 46% đến năm 2019 giảm còn 18.6% và năm 2020 còn 16.9%.

3.1.2. Nhóm tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động giảm nghèo tiếp cận dưới góc độ nghèo đa chiều

Về giáo dục: trên cả nước bản có trường học chiếm 85,9%. Theo kết quả năm 2020 tỷ lệ bậc tiểu học chiếm 99% và tỷ lệ không được lên lớp giảm xuống từ 3,8% còn 3,1%; tỷ lệ học của trẻ em độ tuổi 6 – 10 tăng nhanh năm 2013 là 72%, đến năm 2019 là 83,1% và năm 2020 tăng lên 83,3% như vậy, từ năm 2013 đến năm 2020 đã tăng lên 11,9%. Tỷ lệ giảm nghèo theo phân giáo dục chủ nhà có bằng tốt nghiệp ĐH năm 2013 chiếm 5% đến năm 2019 giảm còn 1% so sánh với chủ nhà không có giáo dục năm 2013 chiếm 47% đến năm 2019 giảm còn 35% và trong mỗi năm tỷ lệ nghèo nhiều trong nhà không có giáo dục, dù tỷ lệ nghèo nhà không có giáo dục được giảm nhưng cũng có cơ hội tái lại nghèo nữa.

Về y tế: Đến nay trạm y tế toàn quốc có tăng lên từ năm 2011 có 872 trạm tăng 1,070 trạm năm 2020 và người dân đến trạm y tế cao đến 45,905,000 lần/năm và đến bệnh viện huyện là 64,874,000 lần/năm.

Tỷ lệ tử vong của trẻ em 1 – 5 tuổi có giảm xuống đáng kể; tử vong trẻ 1 tuổi có giảm từ 68/1.000 người (chiếm 6,8%) năm 2013 giảm còn 12/1.000 người (chiếm 1,48%) năm 2020 và tử vong trẻ em 5 tuổi có giảm từ 79 /1.000 người (chiếm 7,9%) năm 2013 giảm còn 13,5/1.000 người (chiếm 1,35%). Tỷ lệ tử vong mẹ trên toàn diện đã giảm từ 206/1.000 người năm 2013 còn 167/1.000 người năm 2017 và đến năm 2020 giảm còn 70/1.000 người.

Về chất lượng đời sống:

Chỉ số về chất lượng đời sống của người có được cải thiện và tiếp cận được dịch vụ cơ bản như: (1) chỉ số sử dụng điện sinh hoạt 76,5% năm 2013 tăng lên 92,3% năm 2020 (đạt được mục tiêu). Trong đó hộ dân ở thành thị tiếp cận được 100 % và hộ dân ở nông thôn chỉ có tiếp cận được 80,5%; (2) hộ dân có sử dụng nước sạch 55,1% năm 2013 tăng 92,3% năm 2020 (đạt được mục tiêu); (3) hộ có nhà vệ sinh 71,5% năm 2013 tăng

84,9% 2020; (4) hộ có tài sản tăng lên từng năm, nhất là nhà có xe máy, điện thoại và radio 85%, thứ hai nhà có TV 81,3% và có tủ lạnh 71,3%; (5) nền nhà làm bằng xi măng 11,7% năm 2013 tăng lên 21,5 năm 2019 và (6) về nhiên liệu đun nấu ăn có nhà nghèo dùng Gas và nồi điện nấu ăn tăng lên 2,6%, nhà không nghèo tăng 6,1%, ở thành thị tăng 19,3% và ở nông thôn tăng 3,8% các tỷ lệ này là so với năm 2013 và 2019.

Từ các phân tích trên cho thấy sự thiếu hụt các chiều của hộ nghèo đã được cải thiện. Chỉ số về tiếp cận y tế được cải thiện đáng kể do chính sách y tế toàn dân được đẩy mạnh. Tỷ lệ thiếu hụt về nguồn nước sạch và điện do chính sách về sự phát triển cơ sở hạ tầng. Điều kiện nhà ở, nhà vệ sinh và đun nấu ăn cũng được cải thiện nhưng tốc độ khá thấp. tỷ lệ nghèo đa chiều tại Lào có xu thế giảm theo từng giai đoạn. Tỷ lệ nghèo đa chiều của cả nước đã giảm được 10 %, từ 33,1% năm 2013 giảm xuống còn 23,1% năm 2019, trong đó ở nông thôn có tỷ lệ giảm cao hơn thành thị.

3.3.3. Nhóm tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động giảm nghèo tiếp cận dưới góc độ giảm nghèo bền vững

Tại nước CHDCND Lào tổng dân số có sức lao động là 1.8 triệu người, đa phần tỷ lệ sức lao động ở nông thôn nhiều hơn ở thành thị. Trong tình trạng lao động thấy rằng người làm việc cho gia đình mình chiếm 38%, tăng 3,5% so với năm 2010; số người lao động làm thuê chiếm 32,4% tăng gấp đôi so với năm 2010 và làm kinh doanh chiếm 28,2% giảm một nửa so với năm 2010. Ngoài ra, tỷ lệ thất nghiệp tại nước CHDCND Lào có xu hướng tăng lên: năm 2010 là 1,9% và đến năm 2017 tăng 9.4% và theo ước tính của Chính phủ đến 2020 tỷ lệ thất nghiệp sẽ tăng đến 20%.

Theo số liệu tổng kết năm 2011 với tổng số hộ của Lào là 1.053.349 hộ, 8.654 bản, 1.100 cụm bản, 143 huyện và 17 tỉnh, trong đó có: Hộ nghèo 198.678 hộ (chiếm 18,86%), Bản nghèo 3.175 bản (chiếm 36,69%), Hộ phát triển 494.825 hộ (chiếm 46.98 %), Bản phát triển 833 bản (chiếm 10,20 %), Cụm bản phát triển 11 cụm (chiếm 1,0%), Huyện được thoát nghèo 89 huyện. Đến năm 2020, tình hình nghèo trong cả nước đã được giải quyết khá tốt, số hộ nghèo, số bản và huyện nghèo đã giảm rõ rệt: Bản là 8.452 bản giảm xuống 188 bản so với năm 2011; Huyện có 148 huyện, tăng lên 3 huyện so với năm 2011, Hộ phát triển có 1.133.267 hộ (95,78%) so với năm 2011 tăng 69.002 hộ (59,5%), Bản phát triển có 4.510 bản (56,29%) so với năm 2011 tăng 3.651 bản (46,15 %); Có hai điểm trọng

tâm được công nhận là Bản lớn đã trở thành thị xã nhỏ ở nông thôn. Chưa có tỉnh nào có huyện phát triển, số hộ nghèo trong toàn quốc có 58.644 hộ, chiếm 5,10 %, giảm 140.943 hộ so với năm 2011 , chiếm 14,26%, số bản nghèo có 1.336 hộ, chiếm 16,2 %, so với năm 2011 giảm 1.839 bản, chiếm 20,49 % và số huyện nghèo năm 2013 có 72 huyện nghèo đến năm 2020 giảm còn 23 huyện chiếm được 15,54%.

3.4. Đánh giá chung về hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào

3.4.1. Mặt đạt được hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào

Về tăng trưởng kinh tế và cơ cấu kinh tế: thứ nhất, Tính bình quân giai đoạn 2011 – 2015, GDP trong nước đạt mức tăng trưởng bình quân 7,9%/năm và trong giai đoạn năm 2016 – 2020 có mức tốc độ tăng chỉ 5,5%/năm. Thứ hai tỷ trọng ngành nông nghiệp trong GDP có xu thế giảm dần theo thời gian, từ 28,11% năm 2011 xuống còn 13,5% năm 2020; trong đó, ngành dịch vụ có vai trò quan trọng trong nền kinh tế ngày càng tăng, năm 2011 chiếm được 38,08% tăng lên 41,68% năm 2018 đến năm 2020 giảm còn 39,6%.

Về hiệu quả đạt được trong hoạt động giảm nghèo: thứ nhất, tỷ lệ nghèo đã giảm mỗi năm còn 16,9% năm 2020 từ 46% năm 1992. Quan trọng là số hộ nghèo trong nước đã được giảm từng năm từ 198.678 hộ; chiếm 18,86% năm 2011 giảm 76.604 hộ chiếm 6,59% năm 2015 và đến năm 2020 giảm còn 58.644 hộ toàn quốc, chiếm được 5,10% và còn 23 huyện nghèo. Ngoài đó, tỷ nghèo đa chiều cũng được giảm từ 33,1% năm 2013 đến năm 2019 còn 23,1%; giảm nhanh là khu vực nông. Thứ hai, có trường học chiếm 82,9% và có thể mở lớp giảng dạy bình thường được 100%, tỉ lệ trẻ em trong độ 6-10 tuổi được đến trường chiếm 83,3%, có trạm y tế tăng từ 872 trạm năm 2011, đến năm 2020 tăng 1.070 trạm và có nhà thuốc là 2.685 nhà thuốc, có điện sử dụng năm 2012 là 76,5%, năm 2020 tăng lên 92,3%, có nhà vệ sinh và nước sạch sinh hoạt chiếm được 84,9% và 92,3% ; 100% mạng internet đã sử dụng. Thứ ba, Người dân có tỷ lệ làm kinh doanh năm 2017 là 28,3% đến năm 2020 tăng 31,6% và tỷ lệ số người lao động làm thuê giảm xuống từ năm 2017 là 32,4% giảm còn 22,5% năm 2020. Thứ năm, hoạt động giảm nghèo đã nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ và sự hiểu biết của cộng đồng về chủ trương của đảng,

chính sách pháp luật của Nhà nước và nội dung, mục tiêu, phạm vi, nguồn vốn của các chương trình hoạt động giảm nghèo.

3.4.2. Về mặt hạn chế, yếu kém hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào

Thứ nhất: Kết quả giảm nghèo chưa vững chắc, chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, nhóm dân cư chưa được thu hẹp.

Thứ hai: Chưa khai thác, huy động được nhiều nguồn lực tại chỗ, chưa phát huy được nội lực trong dân và chính người nghèo; quan điểm trông chờ, ỷ lại vào nguồn vốn ngân sách vẫn còn tồn tại ở một số địa phương và người nghèo.

Thứ ba: về sự phát triển kinh tế - xã hội: Nơi nghèo nhất được phát triển ít nhất, sự phát triển vẫn chưa phù hợp với sử dụng tài nguyên - môi trường, sự phát triển ở nông thôn vẫn còn không tiếp cận được với phát triển nguồn nhân lực, sự tăng trưởng xã hội không cân bằng với kinh tế, sự phát triển cơ sở hạ tầng chưa phù hợp với sự thúc đẩy sản xuất thành sản phẩm.

Thứ tư: Sự phân bố nơi ở và nơi làm ăn chưa tốt.

Thứ năm: Công tác kiểm tra giám sát mặc dù đã được thực hiện thường xuyên nhưng chưa thực sự có hiệu quả.

3.4.3. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trong hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào

Thứ nhất; về tăng trưởng kinh tế trong thời gian qua; dù có giữ gìn ổn định năm 2010 – 2015 là 7,9% và năm 2016 – 2020 là 5,5%; Trong những năm 2017 – 2020 có tỷ lệ tăng trưởng còn 6,89%, 6,47%, 5,46% và 3,3% làm cho tỷ lệ giảm nghèo chỉ còn 1% khá thấp so với trong giai đoạn 2010 -2015 tỷ lệ giảm nghèo 1,5%. Do vậy, việc hoạt động giảm nghèo mới chưa đạt được theo mục tiêu của chính phủ đã ban hành trong Hội nghị đại biểu lần VII sẽ giảm được nghèo còn 10% trong năm 2020.

Thứ hai; trong việc quản lý nhà nước về hoạt động giảm nghèo trong thời gian qua chưa được thẩm định về hiệu quả của cán bộ về khả năng, về năng lực và về kiến thức trong thực hiện hoạt động giảm nghèo của những địa phương bởi vì đội ngũ cán bộ là người chủ đạo nhóm người dân đã hiểu biết về tạo mình vươn lên tình trạng nghèo trong tương lai.

Thứ ba; về nguồn lực lao động: người nghèo đa phần là người dân tộc thiểu số với thể lực, sức khỏe và trình độ văn hóa, chuyên môn, tay nghề còn thấp, dân trí hạn chế, có nhiều yếu tố văn hóa và lối sống mang tính

đặc thù; Về nguồn vốn: các tỉnh và các địa phương có nguồn thu không đáng kể, hầu hết ngân sách là phụ thuộc và trung ương trong khi ngân sách trung ương lại chưa đủ tiềm lực để đáp ứng hết nhu cầu cho việc hoạt động giảm nghèo.

Thứ tư; ý thức của người nghèo còn phổ biến, tự giác vươn lên thoát nghèo chưa thực sự tích cực, sinh hoạt theo ý thức truyền thống như ngày xưa, ý thức của họ còn trông chờ sự giúp đỡ từ bên ngoài và Nhà nước thôi

Thứ năm; chương trình đề chính sách giảm nghèo. Mỗi chính sách đều quy định rõ cơ quan quản lý cũng như cơ quan thực hiện. Để triển khai chính sách cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan hữu quan nhưng thực tế cho thấy kiểu này còn bộc lộ nhiều điểm yếu kém.

CHƯƠNG 4:

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG GIẢM NGHÈO TẠI NƯỚC CHDCND LÀO ĐẾN NĂM 2030

4.1. Quan điểm về nâng cao hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào

Thứ nhất về phát triển kinh tế và tốc độ tăng trưởng kinh tế: nước CHDCND Lào thuộc nhóm các nước kém phát triển trong vùng Đông Nam Á; nền kinh tế vẫn ở trạng thái tự cấp, tự túc, phân bổ dân cư và phân công lao động chưa phù hợp. Vì vậy, việc nâng cao hiệu quả hoạt động giảm nghèo phải đi cùng với việc phát triển kinh tế - xã hội được dựa vào cơ sở khai thác các tiềm năng, thế mạnh của đất nước trong mối quan hệ gắn bó hữu cơ và phân công lao động với các địa phương, với thị trường nước ngoài. Nếu kinh tế - xã hội trong nước đã yếu kém, lạc hậu sẽ bị tụt hậu nhanh hơn so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Thứ hai về cải thiện đời sống con người : đối với người nghèo tại nước Lào phải cải thiện chất lượng cuộc sống của con người, nhất là cải thiện cả vật chất và tinh thần trên cơ sở hỗ trợ các điều kiện sinh sống cho người nghèo. Các hỗ trợ mang tính tình thế, nhất thời cần được hạn chế tối đa và được rà soát tổng thể để có cách nhìn xa hơn. Cần tập trung vào đầu tư cho phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ thiết yếu phục vụ trực tiếp sản xuất và sinh sống của người nghèo. Nhất là người nghèo sống ở vùng sâu – vùng xa, vùng khó khăn, vùng miền núi phải được tiếp cận với các dịch vụ xã hội để người nghèo có thể tự nhận thức được việc cần thiết phải xóa bỏ

tư tưởng an phận, chủ động phấn đấu vươn lên với sự hỗ trợ của Nhà nước, cộng đồng vì bản thân và vì tương lai con em của họ.

Thứ ba về phương thức sản xuất: nước CHDCND Lào có nhiều tiềm năng, tài nguyên phong phú để có thể theo kịp sự phát triển trên cả nước, việc phát triển kinh tế và hoạt động giảm nghèo cần được thực hiện các quy hoạch tổng thể, thống nhất phát triển theo hướng thay đổi phương thức sản xuất độc canh lạc hậu, kinh tế tự cấp, tự túc thành sản xuất lớn. Về phương thức kinh tế hàng hóa, phát huy các thế mạnh trên cơ sở sản xuất chuyên môn hóa và kinh doanh tổng hợp, áp dụng rộng rãi phương thức nông – lâm kết hợp để phát huy tối đa nội lực nhằm góp phần tăng trưởng kinh tế để góp phần tác động trở lại cho nâng cao hiệu quả hoạt động giảm nghèo được bền vững.

Thứ tư về chính sách hoạt động giảm nghèo vào một chương trình: nhà nước phải quan tâm và đặt về mối quan hệ tổng thể chương trình giảm nghèo sau năm 2020 như: đảm bảo mức sống tối thiểu cho mọi người dân, các chương trình phát triển kinh tế (theo ngành, vùng, địa phương) gắn với giảm nghèo (tăng trưởng vì người nghèo), hệ thống an sinh xã hội với người dân ở nông thôn để đạt được về các mục tiêu trên phải tập trung về chương trình.

4.2. Định hướng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào

Thực hiện việc quy hoạch lại dân cư để tập trung đầu tư phát triển KT-XH theo cụm dân cư, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán, tăng tính hiệu quả của đầu tư, giảm bớt chi phí đầu tư cũng như chi phí cho xóa đói giảm nghèo

Nâng cao hiệu quả hoạt động giảm nghèo, phải tập trung vào nhiều lĩnh vực tiếp cận với các đơn vị liên quan đặt biệt là việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho người nghèo, tập trung phát triển cơ sở hạ tầng dịch vụ thiết yếu cho người dân sinh hoạt mỗi ngày, phát triển sản xuất nông nghiệp nâng cao năng suất để đảm bảo an ninh thực phẩm – lương thực, mở rộng ứng dụng khoa học công nghệ trong nhóm người dân ở vùng khó khăn, tăng cường mối quan hệ đoàn kết với nhau những địa phương để đảm bảo điều kiện an ninh, chính trị, xã hội cho phát triển kinh tế - xã hội ở vùng nông thôn nói riêng và nói chung ở cả nước.

Thực hiện việc lập kế hoạch hoạt động giảm nghèo các vùng khó khăn nhất, tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội ở vùng nông thôn,

đặt biệt là tập trung phát triển trong nhóm dân cư nghèo nhất (người tàn tật, trẻ mồ côi, người già không có chăm sóc), tăng tính hiệu quả của đầu tư, giảm bớt chi phí đầu tư không liên quan với hoạt động giảm nghèo (sự tham gia của lãnh đạo, giảm hoạt động hội nghị)

Hỗ trợ duy trì sản xuất nông nghiệp trước hết là sản xuất lúa gạo và các loại nông sản, đảm bảo thực hiện được mục tiêu sản lượng và giải quyết việc làm thông qua nhiều gói hỗ trợ như gói tín dụng hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, ưu tiên các loại sản phẩm chiến lược như gạo...; gói hỗ trợ lao động sản xuất nông nghiệp, nông dân về giống, thủy lợi, phân bón và tăng cường thu mua và dự trữ quốc gia nhằm cung cấp cho người dân trong các trường hợp rủi ro, thiên tai nghiêm trọng.

Tập trung nỗ lực cho đầu tư giáo dục và đào tạo nghề cho lao động đã thành công có việc làm ngay. Tập trung đầu tư hệ thống các trường có đủ điều kiện học tập và quảng cáo sự quan trọng của giáo dục cho người dân biết; đồng thời mở rộng quy mô đào tạo lao động ở nông thôn có tay nghề tại chỗ, góp phần đẩy mạnh việc đào tạo phát triển nguồn nhân lực gắn với việc phát triển kinh tế - xã hội và dẫn đến người dân có nghề ổn định.

Tiếp tục thu hút nguồn vốn, phân bổ và sử dụng vốn cho được hiệu quả cả ngân sách nhà nước trong mỗi năm, vốn từ nước ngoài (ODA); nhất là thực hiện biện pháp gắn với phát triển kinh tế bền vững và vốn đóng góp từ kinh doanh tư nhân của các doanh nghiệp đã xây dựng Quỹ vì người nghèo phải xác định thủ tục, nghị định rõ ràng về việc tín dụng cho người dân.

4.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào trong thời gian tới

4.3.1. Nâng cao hiệu quả thực thi các chính sách giảm nghèo

4.3.1.1. Giải pháp tổ chức, thực hiện hiệu quả các chương trình giảm nghèo: về nội dung này, cần thực hiện đồng bộ: (1) ưu tiên các chính sách tác động trực tiếp để hỗ trợ người nghèo, (2) những địa phương phải có chính sách đặc thù của mình, (3) đổi mới cơ chế quản lý và thực hiện hoạt động giảm nghèo, (4) huy động sự tham gia tích cực người dân và các cấp vào hoạt động giảm nghèo và (5) kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chính sách.

4.3.1.2. Giải pháp tín dụng và lãi suất cho người nghèo: về nội dung này, cần thực hiện : tăng cường tín dụng ưu đãi trung hạn và dài hạn có thể giải quyết được việc cung cấp tín dụng được tăng: Đối với người nghèo

nhất chủ yếu là đầu tư vào sản xuất nhỏ như trồng trọt, chăn nuôi thì mức cho vay hiện nay là phù hợp vì bản thân người nghèo cũng không muốn vay khoản lớn, bởi vì sợ không có khả năng trả lại; đối với người nghèo theo chuẩn quốc gia không áp dụng hạn mức cho vay theo nhu cầu và các khoản vay thì ngày càng phục vụ được nhiều người nghèo vay vốn hơn và quan trọng hơn là huy động ngày càng nhiều thành viên khá giả tham gia.

4.3.1.3. Hỗ trợ nâng cao thu nhập cho người nghèo: cần tiếp cận với 2 nội dung như: (1) nâng cao số lượng và chất lượng, hiệu quả dạy nghề: vào sự phối hợp giữa chính sách đào tạo nghề cho người dân (người nghèo) với chính sách phát triển nguồn nhân lực cùng với phát triển và tăng trưởng kinh tế bằng một cách hợp lý nhất và (2) phát triển sản xuất phi nông nghiệp và phát triển nghề truyền thống: Nâng cao người lao động đào tạo, khuyến khích và phát huy sự tham gia của người lao động (người nghèo) tại địa phương trong việc sản xuất.

4.3.2. tăng cường công tác quản lý và thực hiện các hoạt động giảm nghèo

4.3.2.1. nâng cao hiệu quả hoạch định và xây dựng các chính sách giảm nghèo: về nội dung này cần tập trung ưu tiên cho những chính sách có tác động mạnh nhất đến sản xuất và đời sống của người nghèo như: Chính sách hỗ trợ tín dụng; chính sách đầu tư xây dựng giao thông, cầu, đường; đầu tư xây dựng trường học, trạm y tế; chính sách cấp thẻ BHYT; chính sách hỗ trợ người nghèo về nhà ở; chính sách KHH gia đình; chính sách giáo dục, xóa mù chữ; chính sách đào tạo nghề; chính sách hỗ trợ tiếp cận dịch vụ thiết yếu; chính sách trợ giúp về pháp lý, chính sách văn hóa truyền thông và chính sách cho cán bộ các xã, bản.

4.3.2.2. Giải pháp về đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mục tiêu giảm nghèo tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn cho cán bộ cấp địa phương và người dân hiểu rõ để tham gia và đề xuất những hỗ trợ cần thiết, phù hợp với khả năng và nhu cầu của mình.

4.3.3. cải thiện điều kiện phát triển kinh tế và nguồn lực để thực hiện hoạt động giảm nghèo

4.3.3.1. Giải pháp về phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng cho các vùng nghèo: (1) tạo điều kiện, môi trường cho hộ nghèo tư vươn lên thoát nghèo; (2) quy hoạch, bố trí lại dân cư tập trung thành các thôn bản đa sắc tộc phù hợp với đặc điểm địa hình và đặc điểm dân tộc; (3) Quy hoạch sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu với các vùng khó khăn, các vùng

của chính đã đặc điểm dân cư và (5)Thực hiện phân bổ đất đai đảm bảo nơi trú và nơi sản xuất

4.3.3.2. *Giải pháp về hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp:* về nội dung này phải thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, Xây dựng các mô hình hỗ trợ sản xuất và khuyến khích thực hiện hình thức liên doanh trong sản xuất tiêu thụ sản phẩm.

4.3.4. *Tăng cường khả năng huy động sự tham gia của các chủ thể khác vào hoạt động giảm nghèo*

4.3.4.1. *Xã hội hóa và quy định trách nhiệm cộng đồng trong công tác giảm nghèo:* (1) Đối với các tổ chức kinh doanh, các cá nhân kinh doanh và các doanh nghiệp: Nhà nước phải ban hành các văn bản, chế tài ràng buộc trách nhiệm bằng cách quy định các doanh nghiệp phải thực hiện trích một tỉ lệ nhất định cho Quỹ vì người nghèo từ chênh lệch thu chi, trước khi các doanh nghiệp phân phối lợi nhuận vào các quỹ của doanh nghiệp, (2) Đối với các Ngân hàng Thương mại: Do các ngân hàng thương mại đều thực hiện chức năng kinh doanh như các doanh nghiệp nên các ngân hàng này đều phải có nghĩa vụ trích một phần lợi nhuận của mình đóng góp cho “Quỹ vì người nghèo” trước khi chia lợi nhuận vào các quỹ của mình và (3) Đối với các trường học: Để tăng thêm nguồn vốn cho xóa đói giảm nghèo cần quy định bắt buộc thực hiện huy động đối với các trường học, nhất là các trường ở những vùng đô thị, vùng phát triển.

4.3.4.2. *Các giải pháp huy động nguồn vốn từ nội lực:* Chính quyền địa phương các cấp ở Lào cần phối hợp chặt chẽ để xây dựng các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn về việc phân bổ vốn xóa đói giảm nghèo cho các địa phương trên cơ sở ưu tiên những địa bàn khó khăn nhất, những hộ gia đình cần trợ giúp vốn nhất, những nhóm người có nguy cơ tái nghèo hoặc dễ bị rơi xuống ngưỡng nghèo nhất.

4.3.5. *Các giải pháp về phía người nghèo*

4.3.5.1. *Các giải pháp về phát triển giáo dục và nâng cao trình độ dân trí:* thực hiện các chính sách giáo dục, đào tạo thể hệ trẻ, Xây dựng chương trình trên cả nước “ Xóa được hết trí thức người nghèo học xong năm 5, Thu hút các nguồn vốn tài trợ của các cá nhân, tổ chức trong ngoài nước và trong nước, Nâng cao trách nhiệm của xã hội và cộng đồng đối với nền giáo dục và hỗ trợ giáo dục trẻ em nghèo.

4.3.5.2. *Giải pháp về nâng cao tình trạng sức khỏe:* xây dựng trạm y tế cho các địa phương không quá xa hơn 10km, người dân đến cấp cứu, thăm khám được kịp thời gian và đi khám đến tận nơi cho người nghèo, tiếp tục làm chính sách về khám bệnh và chữa cho người dân một người 30,000 kíp/người trong nghị định số 0476/YT; đặc biệt để cho người nghèo và quan trọng là có chính sách khuyến khích cho bác sĩ đến công tác tại vùng sâu – vùng xa – vùng khó khăn miền núi.

4.3.5.3. *Giải pháp nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo:* Đảng và Nhà nước phải tiếp tục mở rộng các chương trình có hiệu quả như trong thời gian qua như hỗ trợ nhà ở, điện và nước sạch sinh hoạt cho người nghèo, tập trung nhóm bản, văn hóa thông tin, củng cố và nâng cao chất lượng nhà văn hóa, các điểm bưu điện, phát triển hệ thống thông tin truyền thống, tổ chức các hoạt động văn hóa hướng tới tiếp cận nền văn minh của thời đại, đưa các bản vùng phát triển cao hướng tới văn minh tiến bộ nhưng vẫn giữ gìn văn hóa truyền thống tốt đẹp của các địa phương.

Kết luận

Luận án, với tên đề tài “ Nâng cao hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào ”, tác giả đã tập trung nghiên cứu vấn đề lý luận và thực tiễn, hệ thống các lý thuyết về giảm nghèo, hiệu quả giảm nghèo; đồng thời phân tích thực trạng việc hoạt động giảm nghèo trong thời gian qua năm 2011 – 2020. Từ đó, đưa các những phương pháp mang tính khả thi để nâng cao hiệu quả hoạt động giảm nghèo tại nước CHDCND Lào đến năm 2030 những nội dung cụ thể mà luận án đã đạt được như:

Thứ nhất: là hệ thống hóa và phân tích các vấn đề lý luận về việc giảm nghèo, hiệu quả giảm nghèo, chính sách giảm nghèo, mối quan hệ giữa hiệu quả hoạt động giảm nghèo với phát triển kinh tế, các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động giảm nghèo và xây dựng bộ tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động giảm nghèo. Đây là nền tảng vững chắc trong nhận diện người nghèo cũng như xây dựng một chiến lược tấn công giảm nghèo hợp lý và đạt được hiệu quả. Điều này vô cùng quan trọng vì sự hỗ trợ của chính phủ chỉ đạt được hiệu quả.

Thứ hai: là thông qua việc nghiên cứu kinh nghiệm giảm nghèo của một số nước thành công nhất để rút ra các bài học kinh nghiệm và khuyến nghị áp dụng cho nước CHDCND Lào, đó là tạo cơ hội và khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo; hỗ trợ người nghèo các điều

kiện kinh tế, nâng cao năng lực cho người nghèo để họ chủ động vươn lên thoát nghèo.

Thứ ba: phân tích thực trạng và đánh giá hiệu quả hoạt động giảm nghèo trong thời gian qua các tiêu chí nhận rõ các mặt tích cực và tiêu cực, đồng thời cũng chỉ ra về mặt thành công, về mặt hạn chế và nguyên nhân hạn chế, đặc điểm nghèo và hiệu quả việc hoạt động giảm nghèo tác động đến sản xuất và đời sống người nghèo. Thông qua đánh giá chủ yếu là việc tín dụng cho người nghèo, xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ giáo dục và y tế cho người nghèo.

Thứ tư: là xuất phát những bối cảnh quốc tế và trong nước có cơ hội và thách thức. Từ đó, cho rằng về quan điểm, định hướng và mục tiêu hiệu quả hoạt động giảm nghèo trong thời gian tới. Để đưa ra quan điểm định hướng và giải pháp tận dụng cơ hội, đối phó với các thách thức nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giảm nghèo để góp vào phát triển kinh tế xã hội.

Thứ năm: luận án đã xây dựng những giải pháp mang tính khả thi để nâng cao hoạt động tại nước CHDCND Lào trong thời gian tới. để giúp cho chính phủ đối phó với các thách thức này cũng như giải quyết tốt vấn đề giảm nghèo trong thời gian. Luận án đã đề xuất việc hoàn thiện giải pháp cần đảm bảo: 1. Đạt được mục tiêu của quốc gia về giảm nghèo và MDGs; 2. Giảm nghèo bền vững đảm bảo không tái lại nghèo; 3. Lồng ghép về mục tiêu và lựa chọn ưu tiên trong chính sách giảm nghèo.

CÁC CÔNG BỐ BÀI NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ

1. Tác giả Khamson Somlet; Vũ Trịnh Thế Quân “ Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn tại tỉnh Champasak, CHDCND Lào ” Tạp chí thông tin và dự báo kinh tế - xã hội; Issn 1859 -0764; số 155 tháng 11/2018; trang 55 – 58
2. Tác giả Khamson Somlet; Vũ Trịnh Thế Quân “ Mối quan hệ giữa phát triển nông nghiệp, nông thôn và xóa đói giảm nghèo tại tỉnh Champasak, CHDCND Lào giai đoạn 2011 – 2015 ” Tạp chí thông tin và dự báo kinh tế - xã hội; Issn 1859 -0764; số 156 tháng 12/2018; trang 53 – 56
3. Tác giả Khamson Somlet “ Situation and Efficient Solutions for Poverty Reduction: Universal To Multi-Way Poverty Access In Laos ”; Turkish Online Journal of Qualitative Inquiry (TOJQI) Volume 12, Issue 9 July 2021: 3096 – 3110
4. Tác giả Khamson Somlet “ Hoạt động xóa đói giảm nghèo của một số nước châu Á và bài học kinh nghiệm cho nước CHDCND Lào ”; Tạp chí Cơ quan thông tin lý luận của công thương; Issn: 0866 – 7756; số 24 tháng 10/2021; tr 190 – 196.
5. Tác giả Khamson Somlet “ Thực trạng và giải pháp hiệu quả giảm nghèo: tiếp cận nghèo đơn chiều sang nghèo đa chiều tại Lào ” Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương; Issn 0868 -3808; số 603 tháng 12/2021; trang 66 – 68.